

Số: 889 /QĐ-NHNo- HSX

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành "Hướng dẫn cho vay theo hạn mức tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ" trong hệ thống Agribank**

### TỔNG GIÁM ĐỐC AGRIBANK

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) ban hành kèm theo Quyết định 600/QĐ-HĐTV ngày 23/4/2012 của Hội đồng thành viên;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-HĐTV-KHDN ngày 22/01/2014 của Hội đồng Thành viên về việc ban hành Quy định cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Agribank;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-NHNo-HSX ngày 07/8/2014 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy trình cho vay đối với khách hàng là hộ gia đình, cá nhân, trong hệ thống Agribank;

Theo đề nghị của Trưởng ban Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân.

### QUYẾT ĐỊNH:

Ban hành "Hướng dẫn cho vay theo hạn mức tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ" như sau: .

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Sở giao dịch, Chi nhánh, Phòng giao dịch thuộc hệ thống Agribank (trừ chi nhánh Agribank hoạt động tại nước ngoài) gọi chung là Agribank nơi cho vay.

2. Khách hàng là hộ gia đình sản xuất, kinh doanh ổn định, có nhu cầu sử dụng tiền vay tối đa đến 100 triệu đồng để chi phí sản xuất, kinh doanh và đáp ứng nhu cầu chi tiêu phục vụ đời sống của hộ gia đình.

#### Điều 2. Căn cứ xác định hạn mức tín dụng (HMTD)

HMTD là mức dư nợ tối đa (đến 100 triệu đồng) được duy trì trong thời hạn nhất định (tối đa 03 năm) mà Agribank nơi cho vay cùng khách hàng thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng.

Việc xác định cho khách hàng một HMTD phù hợp với nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, đời sống tiêu dùng và đặc biệt là hộ gia đình trả được nợ gốc lãi tiền vay. Dựa trên các căn cứ sau đây:

1. Điều kiện sản xuất, kinh doanh hiện có: Diện tích đất/ mặt nước canh tác, chuồng trại chăn nuôi, máy móc, nhà xưởng sản xuất, ký ết kinh doanh, công lao động,... trị giá được bằng tiền và vốn bằng tiền;

2. Nhu cầu chi phí trong năm: Chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh (căn cứ định mức kinh tế, kỹ thuật đối với loại cây trồng, vật nuôi, ngành nghề sản xuất, kinh doanh); chi phí phục vụ đời sống;

3. Thu nhập trong năm: Thu nhập từ sản xuất, kinh doanh chính và các nguồn thu nhập khác;

4. Mức độ tín nhiệm trong quan hệ vay vốn với Agribank.

### **Điều 3. Bảo đảm tiền vay.**

Căn cứ chính sách khách hàng của Agribank, chính sách tín dụng của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước được quy định trong từng thời kỳ; Agribank nơi cho vay xem xét, quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo quy định.

### **Điều 4. Thời hạn của HMTD**

1. Là thời hạn hiệu lực được phép rút vốn (tối đa 03 năm) tính từ ngày ký phê duyệt HMTD đến ngày hết hạn HMTD.

2. Thời hạn của HMTD có thể được gia hạn nếu thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và nhu cầu vốn kỳ tiếp theo không thay đổi; Thời gian mỗi lần gia hạn tối đa bằng thời hạn của HMTD.

3. Thời hạn cho vay trên từng giấy nhận nợ có thể vượt quá thời hạn của HMTD.

### **Điều 5. Quản lý HMTD**

Trong phạm vi HMTD và thời hạn của HMTD đã được ký kết, khách hàng có thể rút vốn một hay nhiều lần phù hợp với mục đích sử dụng vốn.

1. Mỗi lần rút vốn, khách hàng cùng Agribank nơi cho vay lập giấy nhận nợ, mỗi giấy nhận nợ chỉ áp dụng cho một loại vay ngắn hạn/trung hạn/dài hạn phù hợp với mục đích sử dụng vốn và nguồn vốn của Agribank tại thời điểm đó;

2. Tổng doanh số cho vay có thể lớn hơn HMTD, nhưng mức dư nợ ở mọi thời điểm không được vượt quá HMTD đã được ký kết (tại thời điểm ký kết HMTD mà khách hàng còn tồn tại những khoản vay cũ thì kể cả dư nợ của các khoản vay cũ cũng không vượt quá HMTD);

3. Khách hàng đang sử dụng sản phẩm tín dụng này, Agribank nơi cho vay không được cấp tín dụng cho khách hàng hoặc thành viên trong hộ dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp thành viên trong hộ có thu nhập từ tiền lương mà chưa tính vào thu nhập trong năm (theo khoản 3 Điều 2) thì có thể vay tiền để đáp ứng nhu cầu đời sống).

### **Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tín dụng**

Trong thời hạn hiệu lực của HMTD, khách hàng có nhu cầu điều chỉnh hợp đồng tín dụng như thay đổi HMTD hoặc gia hạn thời hạn của HMTD thì khách hàng làm giấy đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng (theo mẫu số 05/ĐNĐC/HMTD); Agribank nơi cho vay thẩm định, nếu phù hợp, cùng khách hàng lập phụ lục điều chỉnh hợp đồng tín dụng (theo mẫu số 06/PLHĐ/HMTD). Phụ lục hợp đồng tín dụng là bộ phận không tách rời hợp đồng tín dụng.

## **Điều 7. Hồ sơ, thủ tục**

1. Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn (Mẫu số: 01 GĐN/HMTD);
2. Hợp đồng tín dụng (Mẫu số: 02/HĐTD/HMTD);
3. Giấy nhận nợ (Mẫu số: 03 GNN/HMTD)
4. Giấy ủy quyền cho người đại diện (*nếu có*) (Mẫu số: 04/GUQ/HMTD);
5. CMND, sổ hộ khẩu và các giấy tờ chứng minh điều kiện sản xuất kinh doanh chính của khách hàng: giấy tờ chứng minh diện tích đất/mặt nước để sản xuất, giấy phép kinh doanh,...(lưu bản phô tô, không cần chứng thực, sao y);
6. Hồ sơ bảo đảm tiền vay hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy xác nhận về diện tích đất đang sử dụng và không có tranh chấp;
7. Giấy đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng (Mẫu số: 05/ĐNĐC/HMTD), phụ lục hợp đồng tín dụng (Mẫu số: 06/PLHĐ/HMTD); Giấy đề nghị gia hạn nợ (*nếu có*);

*Lưu ý: Mẫu biểu đi kèm chỉ mang tính tham khảo, Agribank nơi cho vay hoàn thiện cho phù hợp với từng khách hàng, đảm bảo không trái quy định của Pháp luật và giảm thiểu rủi ro"*

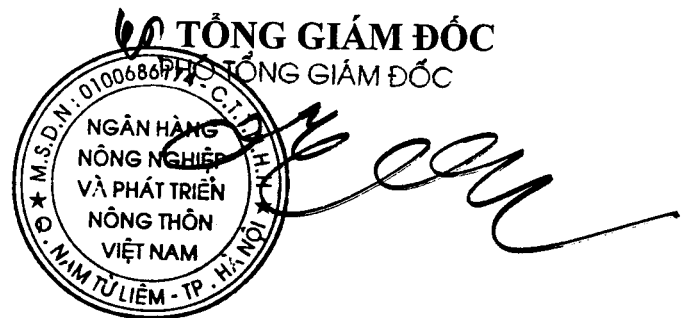
**Điều 8. Hướng dẫn xử lý giao dịch trên hệ thống IPCAS (theo Phụ lục đính kèm)**

## **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; mọi sửa đổi, bổ sung do Tổng Giám đốc Agribank quyết định.
2. Tại Sở Giao dịch, chi nhánh: Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, lựa chọn các hình thức quảng bá sản phẩm phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi giúp hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ vay vốn để phát triển kinh tế và đáp ứng nhu cầu đời sống, tiêu dùng.
3. Ban Khách hàng Hộ sản xuất và cá nhân, Trung tâm Công nghệ thông tin hướng dẫn, giải đáp vướng mắc của chi nhánh trong quá trình thực hiện.
4. Những nội dung liên quan đến hoạt động cho vay không nêu tại Quyết định này, Agribank nơi cho vay thực hiện theo các quy định, quy trình hiện hành của Agribank./.

**Nơi nhận:**

- HĐTV (để b/c);
- TGD, các PTGD;
- Ban Kiểm soát;
- Sở GD, Chi nhánh loại I, II;
- VPĐD, Các Ban, Trung tâm tại TSC;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- Lưu VP, PC, BTK, HSX, TTCNTT.



**Nguyễn Tuấn Anh**

1  
2  
3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu số: 01/GĐN/HMTD

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM PHƯƠNG ÁN VAY VỐN**

**Kính gửi: Agribank chi nhánh.....**

Họ và tên khách hàng : ..... Năm sinh: ..... nam/nữ  
CMND số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Giấy ủy quyền (nếu có).....  
Hiện cư trú tại: ..... Xã (phường) .....  
Huyện (quận) (thị xã): ..... Tỉnh (thành phố): .....  
Ngành nghề SXKD ..... Số giấy phép KD .....

*Tôi làm giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn để đáp ứng nhu cầu chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình như sau:*

**1. Điều kiện, năng lực sản xuất, kinh doanh của Hộ gia đình**

- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính:.....
- Điều kiện sản xuất, kinh doanh chính hiện có (vốn tự có): diện tích đất đai/ mặt nước, chuồng trại, trâu bò, máy móc, nhà xưởng sản xuất, ki ốt kinh doanh...(số giấy tờ....., ngày cấp ...../...../ ....., nơi cấp....., số lượng, giá trị ước tính của từng loại), vốn bằng tiền (nếu có).
- Chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.....
- Thu nhập bình quân trong năm.....đồng (cụ thể từng nguồn thu)

**2. Lịch sử quan hệ với Agribank**

- Quan hệ tín dụng từ năm ....., dư nợ đến ngày...../...../... là:.....đồng, bao gồm: (chi tiết nhóm nợ); tín nhiệm trong quan hệ vay vốn.
- Sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Agribank (ngoài tín dụng), từ năm..... (chi tiết từng loại sản phẩm, dịch vụ hộ gia đình đã sử dụng)

**3. Giấy tờ, tài sản**

- Nếu phải bảo đảm bằng tài sản (mô tả khái quát về tài sản bảo đảm)
- Nếu không phải bảo đảm bằng tài sản ghi nội dung:
  - + Hộ gia đình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số.....cấp ngày...../...../....., diện tích.....m<sup>2</sup> hoặc
  - + Diện tích đất đang sử dụng nhưng chưa được cấp sổ và không có tranh chấp là.....m<sup>2</sup>

**4. Đề nghị vay vốn theo hạn mức tín dụng**

- Hạn mức tín dụng (mức dư nợ tối đa): .....triệu đồng;
- Thời hạn của hạn mức tín dụng:.....tháng;



- Lãi suất cho vay, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi: Theo thỏa thuận trên giấy nhận nợ tại mỗi lần rút vốn.

#### 4. Cam kết:

- Thông tin có trong giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn này là những thông tin chính xác. Nếu sai sót, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Agribank, pháp luật.

- Giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Agribank hoặc khi nhận được giấy chứng nhận QSDĐ sẽ giao ngay cho Agribank (Đối với trường hợp không phải bảo đảm bằng tài sản).

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích, hợp pháp; trả gốc và lãi đúng hạn theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ.

**Xác nhận của UBND Xã/phường**  
Hộ Ông (bà).....hiện đang cư trú tại địa phương;  
những nội dung đã kê khai và nhu cầu vay vốn là  
đúng sự thật.  
....., ngày.../.../...  
T/M UBND xã/phường  
(ký tên, đóng dấu)

**Chủ hộ/đại diện Hộ gia đình**  
....., ngày.../.../...  
(ký, ghi rõ họ tên)

### THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CỦA AGRIBANK

**Người thẩm định**  
Sau khi thẩm định các điều kiện vay vốn của khách hàng ....., tôi đề nghị:  
- Hạn mức tín dụng tối đa:.....triệu đồng  
- Thời hạn của HMTD .....tháng, thời hạn cuối cùng ngày.../.../..  
- Lãi suất cho vay, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi: theo thỏa thuận tại mỗi lần rút vốn;  
- Phải bảo đảm/không phải bảo đảm bằng tài sản  
....., ngày ...../...../.....  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đề xuất của Người kiểm soát**  
*Đề nghị Giám đốc ký Hợp đồng tín dụng*  
- Hạn mức tín dụng tối đa:.....  
- Thời hạn của HMTD ...tháng, thời hạn cuối cùng ngày.../.../..  
- Lãi suất cho vay, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi: theo thỏa thuận tại mỗi lần rút vốn  
- Phải bảo đảm/không phải bảo đảm bằng tài sản  
....., ngày ...../...../.....  
(Ký, ghi rõ họ tên)

#### Phê duyệt của Giám đốc

.....  
.....  
.....Ngày.../.../...  
(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**Mẫu số: 02/HĐTD/HMTD**  
(Do khách hàng và ngân hàng cùng lập)

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

Số: ..... .....

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Theo thỏa thuận của các bên.

Hôm nay, ngày ...../...../..... tại Agribank chi nhánh..... .....

*Chúng tôi gồm:*

**1. BÊN CHO VAY (Bên A)**

Agribank Chi nhánh..... .....

Trụ sở tại:..... .....

Mã số thuế:..... .....

Điện thoại:..... .....

Fax..... .....

Người đại diện: Ông/bà:..... .....

Chức vụ..... .....

*(Theo giấy ủy quyền số..... ngày...../...../..... của Chủ tịch HĐQT Agribank cho giám đốc chi nhánh và giấy ủy quyền số..... ngày...../...../..... của giám đốc cho người được ủy quyền lại)*

**2. BÊN VAY (Bên B)**

Ông/bà: ..... là chủ hộ/đại diện hộ gia đình theo giấy ủy quyền ngày...../...../.....

CMND số: ..... cấp ngày ..... nơi cấp.....

Địa chỉ cư trú : .....

Điện thoại: CD..... DD.....

Hai bên thống nhất việc bên A cho bên B vay tiền theo nội dung thỏa thuận dưới đây:

**Điều 1. Mục đích sử dụng tiền vay, phương thức cho vay**

- Mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình.

- Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng



+ Thời hạn của Hạn mức tín dụng: ... tháng, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

+ Hạn mức tín dụng (*mức dư nợ cao nhất*): ..... đồng

(*Bằng chữ*: .....)

Số tiền cho vay cụ thể được tính cho từng lần nhận nợ và được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng.

## **Điều 2. Điều kiện rút vốn (giải ngân)**

- Mỗi lần rút vốn Bên A cùng Bên B lập giấy nhận nợ ghi rõ mục đích sử dụng vốn phù hợp với đặc điểm, nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đời sống hợp pháp của hộ gia đình, mỗi giấy nhận nợ chỉ áp dụng cho một loại vay ngắn hạn/trung hạn/dài hạn.

- Tại thời điểm rút vốn, Bên B không có nợ xấu nhóm 4, nhóm 5 (*trừ nợ xấu do nguyên nhân rủi ro bất khả kháng*) tại Agribank, tổng dư nợ sau khi rút vốn không vượt quá hạn mức tín dụng được phê duyệt.

## **Điều 3. Lãi suất cho vay**

- Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là: .....%/năm; lãi suất cho vay và phương thức trả lãi được ghi trên từng giấy nhận nợ, sẽ được điều chỉnh khi lãi suất thị trường có sự biến động.

- Lãi suất nợ quá hạn: Khi đến kỳ hạn trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu Bên B không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc lãi và không được chấp thuận cho cơ cấu lại nợ gốc và/hoặc lãi thì Bên A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và Bên B phải chịu lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng .....% so với lãi suất vay đã thỏa thuận được ghi trên giấy nhận nợ.

## **Điều 4. Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ**

Mỗi lần nhận tiền vay Bên B cùng Bên A lập giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ là một phần không thể tách rời hợp đồng tín dụng.

Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ tùy thuộc vào đối tượng vay được thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ.

## **Điều 5. . Hình thức bảo đảm tiền vay:**

Có bảo đảm/không có bảo đảm bằng tài sản (*trường hợp phải bảo đảm bằng tài sản thì phải ghi rõ số .... , ngày/.../....hợp đồng bảo đảm*)

## **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

### **6.1. Bên A có quyền:**

a) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên B;

b) Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng;





c) Gia hạn nợ gốc, lãi; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, lãi theo quy định của NHNN và Agribank.

**6.2. Bên A có nghĩa vụ:**

- a) Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;
- b) Đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho Bên B trong phạm vi hạn mức tín dụng được phê duyệt nếu Bên B thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng;
- c) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

**7.1. Bên B có quyền:**

- a) Từ chối yêu cầu của Bên A không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng;
- b) Khiếu nại các vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

**7.2. Bên B có nghĩa vụ:**

- a) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
- b) Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng và trên từng giấy nhận nợ;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận trong hợp đồng.

**Điều 8. Thỏa thuận khác**

a) Các Hợp đồng tín dụng (*sổ vay vốn, giấy nhận nợ*) số....., ngày...../...../....., dư nợ: ..... đồng, được tiếp tục theo dõi tại Hợp đồng tín dụng này.

b) .....

**Điều 9. Sửa đổi, bổ sung, chuyển nhượng hợp đồng**

Mọi sửa đổi, bổ sung điều khoản nào của hợp đồng đều phải được hai bên chấp thuận và được thể hiện ở phụ lục điều chỉnh hợp đồng. Phụ lục của hợp đồng là bộ phận không thể tách rời hợp đồng.

Trường hợp chuyển nhượng hợp đồng tín dụng này phải được hai bên cùng thỏa thuận theo quy định về mua, bán nợ của NHNN. Các điều khoản khác của hợp đồng này không thay đổi.

**Điều 10. Cam kết chung**



Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng này gồm ... trang, được lập thành 02 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và được thanh lý khi Bên B hoàn trả xong cả gốc và lãi hoặc các bên thay thế bằng Hợp đồng tín dụng khác.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Mẫu số: 03 GNN/HMTD**  
(Do khách hàng cùng ngân hàng lập)

**GIẤY NHẬN NỢ KIỂM BẢO CÁO ĐỀ XUẤT GIẢI NGÂN**  
**(dùng cho hộ gia đình SXKD quy mô nhỏ vay vốn theo hạn mức tín dụng)**  
**(Số.....)**

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: .....ngày .. /.../ .. đã ký giữa Agribank Chi nhánh..... và đại diện bên vay

- Tên khách hàng : ....., Mã khách hàng:.....
- CMND số.....ngày cấp...../...../....., nơi cấp.....
- Địa chỉ cư trú:.....

**1. Thông tin về hợp đồng tín dụng và nhu cầu giải ngân**

- Hạn mức tín dụng: ..... đồng (Bằng chữ.....)
- Dư nợ trước ngày nhận nợ lần này: ..... đồng
- Số tiền nhận nợ lần này (đề nghị vay lần này): ..... đồng  
(Bằng chữ: .....)
- Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: ..... đồng
- Mục đích sử dụng tiền vay: (kê chi tiết từng đối tượng vay, số tiền, mục đích sử dụng....)
- Loại vay: ngắn/trung/dài hạn
- Thời hạn.....tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày. . . /.../..... ; các kỳ hạn (nếu có) . . . . .
- Lãi suất : . . . . %/năm, lãi suất nợ quá hạn: . . . . . %/năm.
- Phương thức trả lãi: .....; các kỳ hạn trả lãi (nếu có).....
- Hình thức giải ngân: Nhận tiền mặt/chuyển khoản

**2. Báo cáo đề xuất giải ngân**

<p style="text-align: center;"><b>Người quản lý khoản vay</b></p> <p><i>Thông tin về hợp đồng tín dụng và nhu cầu giải ngân phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; Tôi đề nghị giải ngân số tiền.....đồng (bằng chữ.....)</i></p> <p style="text-align: center;">....., ngày ...../...../.....</p> <p style="text-align: center;">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Người kiểm soát khoản vay</b></p> <p><i>Tôi đồng ý với đề xuất của Người quản lý khoản vay, đề nghị Giám đốc phê duyệt giải ngân số tiền.....</i></p> <p style="text-align: center;">....., ngày ...../...../.....</p> <p style="text-align: center;">(Ký, ghi rõ họ tên)</p>
--	---

**3. Phê duyệt và nhận nợ**

<p style="text-align: center;"><b>Khách hàng nhận nợ</b></p> <p>Số tiền:.....</p> <p style="text-align: center;">....., ngày...../.../....</p> <p style="text-align: center;">(ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Giám đốc</b></p> <p style="text-align: center;">Phê duyệt giải ngân</p> <p>Số tiền:.....</p> <p style="text-align: center;">.....Ngày...../.../....</p> <p style="text-align: center;">(Ký tên, đóng dấu)</p>
---	---



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng... năm....

Mẫu số: 06/PLHĐ/HMTD

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

(Điều chỉnh hợp đồng tín dụng số.....ngày.../.../....)

Số.....

- Căn cứ hợp đồng tín dụng số..... đã ký ngày ...../...../.....
- Căn đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng của khách hàng

**Chúng tôi gồm có.**

**1. BÊN CHO VAY (Bên A)**

Agribank Chi nhánh.....

Trụ sở tại:.....

Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....Fax.....

Người đại diện: Ông/bà:.....Chức vụ.....

(Theo giấy ủy quyền số.....ngày...../...../.....của chủ tịch HĐQT Agribank cho giám đốc chi nhánh và giấy ủy quyền số..... ngày...../...../.....của giám đốc cho người được ủy quyền lại)

**2. BÊN VAY (Bên B)**

Ông/bà: .....là chủ hộ/đại diện hộ gia đình

CMND số: ..... cấp ngày .....nơi cấp.....

Địa chỉ cư trú : .....

Điện thoại: .CĐ.....DĐ.....

Mã số khách hàng.....

Sau khi xem xét, thỏa thuận, hai bên thống nhất ký Phụ Lục hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1**

- Sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản.....Điều.....tại hợp đồng tín dụng số..... ký kết ngày...../...../..... như sau:

+

+

- Các nội dung khác của hợp đồng không thay đổi

**Điều 2**

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của hợp đồng tín dụng số.....ký kết ngày...../...../.....

- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**(Chủ hộ/người đại diện)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng... năm....

**Mẫu số: 05/ĐNĐC/HMTD**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**  
**(Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....)**

***Kính gửi: Agribank chi nhánh.....***

Họ và tên chủ hộ/ người đại diện : ..... Năm sinh: .....  
CMND số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
Hiện cư trú tại: ..... Xã (phường) .....  
Huyện (quận) (thị xã): ..... Tỉnh (thành phố): .....  
Ngành nghề SXKD ..... Số giấy phép KD .....

Căn cứ hợp đồng tín dụng số..... ngày...../...../..... giữa Agriank và hộ gia đình; Căn cứ tình hình sản xuất, kinh doanh, nhu cầu vay vốn của hộ gia đình; Tôi làm giấy đề nghị điều chỉnh Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Điều chỉnh hạn mức tín dụng từ .....triệu đồng lên.....triệu đồng

*Lý do:* Điều kiện sản xuất kinh doanh/ thu nhập/nhu cầu chi phí đời sống .....của hộ gia đình thay đổi. Cụ thể: .....

**(Hoặc)**

2. Gia hạn thời hạn của hạn mức tín dụng (kéo dài thời hạn) thêm.....tháng, từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

*Lý do:* Trong thời gian vay vốn theo hạn mức tín dụng, hộ gia đình thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và muốn tiếp tục duy trì hạn mức tín dụng cho kỳ tiếp theo (không có nhu cầu thay đổi hạn mức tín dụng).

**Cam kết:** Nếu được Agribank chấp thuận, Tôi xin cam kết:

- Cùng Agribank ký Phụ lục điều chỉnh hợp đồng tín dụng;
- Thực hiện nghiêm chỉnh nội dung thỏa thuận đã ký kết.

**Chủ hộ/người đại diện**  
*(ký, ghi rõ họ, tên)*



**Người thẩm định**

Căn cứ giấy đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng của khách hàng; Qua thẩm định thực tế; tôi đề nghị:

- Điều chỉnh HMTD tối đa:.....triệu đồng
- (hoặc) Gia hạn thời hạn của HMTD .....tháng, thời hạn cuối cùng ngày...../.../..

....., ngày ...../...../.....  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đề xuất của Người kiểm soát**

*Đề nghị Giám đốc phê duyệt và ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng*

- Điều chỉnh HMTD tối đa:.....triệu đồng
- (hoặc) Gia hạn thời hạn của HMTD .....tháng, thời hạn cuối cùng ngày...../.../..

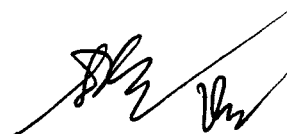
....., ngày ...../...../.....  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phê duyệt của Giám đốc**

.....

.....

.....Ngày...../...../.....  
(Ký tên, đóng dấu)



## PHỤ LỤC

Hướng dẫn xử lý giao dịch trên hệ thống IPCAS  
(kèm theo Quyết định số 889/QĐ-NHNo-HSX ngày 29/8/2014 Ban hành quy định "Hướng dẫn cho vay theo hạn mức tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ")

### a) Đơn xin vay

- ✓ **Đường dẫn:** Loan/ Origination/Consulting-Application (Inog01)  
Tín dụng/ Đơn xin vay-Phê duyệt đơn xin vay/ Đơn xin vay (Inog01)
- ✓ **Màn hình:**

Branch: 1600 Sai Gon Branch

Search Criteria: Customer Number Customer No: 1600-019604819 Đào Thị Mừng

Transaction Status: Processing Processed All

Application No	Origination Type	Loan Type	Currency	Application Amount	Consulting Date	Appl
1600-LAP-						

Branch: Sai Gon Branch Customer: 1600-019604819 Đào Thị Mừng

Application No: 1600-LAP- Credit Grade: A2 Customer Type: Hộ gia đình

Application Detail Procedure Detail

Loan Type: [Vay mới] New Loan Loan Way Type: Cho vay theo hạn mức tín dụng

Loan Type: Facility Detail Credit Line Type: Hạn mức tín dụng theo

Fund Purpose: Hoạt động sản xuất kinh doanh đời sống hộ gia đình Loan Amount: VND 100,000,000

Related Deposit Account: Beneficiary: Advising Bank: Fund Purpose Quantity/Size Detail

Loan Term: Term Type: [Ngày cố định] Fixed Date Year: 0 Month: 0 Day: 0 Maturity: 01/06/2012

Repayment: Repayment Program: [Một lần] Lumpsum Grace Period: Year: 0 Month: 0

Repayment Source: [Khác] Others Amortization Period Month: 0

Interest Rate: Int. Rate Type: Fixed Rate Base Rate: Spread: 12.00000% 12.00000%

Grace Interest Period Type: Grace Interest Period Month: 0

Security Information: Group Code: - - Delete Member: DUP

Loan Evaluation Opinion: Approval Conditions: Other Amendments

History: Authorization: V OK Exit

✓ **Các bước thực hiện:** như thực hiện đối với những khoản vay thông thường, ngoài ra lưu ý các điểm sau:

- Account Type (Loại tài khoản): Chọn "Cho vay hạn mức tín dụng đối với hộ gia đình".
- Fund purpose (Mục đích sử dụng vốn vay): Chọn mã "200204: Hoạt động sản xuất kinh doanh đời sống hộ gia đình"

- Maturity (Ngày đến hạn của giải ngân): thời hạn được phép rút vốn tối đa là 3 năm.
- Loan way type và Credit line type (Phương thức cho vay và loại HMTD): Được mặc định khi đăng ký loại sản phẩm vay là: Cho vay hạn mức tín dụng theo dư nợ
- Loan Amount (Số tiền cho vay): không vượt quá 100 triệu đồng.

**b) Giải ngân:**

✓ **Đường dẫn:** Loan/Booking & Servicing/Disbursement (Inbs07).

Tín dụng / Giải ngân- thu nợ / Giải ngân (Inbs07)

✓ **Màn hình:**

Disbursement <w> Inbs07 </w>

Branch Sai Gon Branch Customer 1600-019604819 Đào Thị Mừng

Approval No 1600-LAV-200901687 Disbursement No 1600-LDS- Available Outstanding 100,000,000.00

Account Type

Disbursed Amount VND

Fund Purpose Type Hoạt động sản xuất kinh doanh đời

Fund Purpose Quantity / Size Detail

Total Required Fund VND

Beneficiary

On/Off Shore Type  On Shore  Off Shore

Country Risk

Advising Bank

Reference No

Accumulated Repayment Amt.

Disbursed Outstanding

Last / Next Repayment Date 00/00/0000 00/00/0000

Last / Next Int. Payment Date 00/00/0000 00/00/0000

Disbursed Date 01/06/2009 01/06/2009

Extension Date 00/00/0000 00/00/0000

Maturity 01/06/2012

Hỗ trợ lãi suất Gói HTLS Huyện

NNNT NĐ 41/CP  Vay NNNT Mục đích, chương trình cho vay

Cho vay bằng nguồn tái cấp vốn NHNN (VINASHIN)

Settlement Center Cut Receipt History Bill

Search Loan Account <w> Inhs07 </w>

Loan Sub Type Name Search

Loan Type	Loan Sub Type	Loan Sub Type Name
100	01	(11) Short term loan
110	01	(12) Medium term loan
120	01	(13) Long term loan

OK Exit

*Handwritten signature*